

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-3-2025.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Chí

Ông Trịnh Xuân Tùng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 2 ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 2 ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Chị T và anh T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống vợ chồng có được 02 con chung là Huỳnh Phước L, sinh ngày 02/02/2009 và Huỳnh Minh N, sinh ngày 13/7/2014. Vợ chồng sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 và không thể tiếp tục chung sống nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T1.

Về con chung: Chị đồng ý để cháu L cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 02/01/2025 chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Theo bản khai, biên bản hòa giải anh Huỳnh Văn T1 trình bày:

Anh đồng ý về điều kiện, địa điểm kết hôn và con chung như chị T trình bày.

Vợ chồng có xảy ra bất đồng quan điểm nhưng còn có thể hàn gắn được nên nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn thì về con chung sẽ theo ý kiến nguyện vọng của con, về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 02/01/2025 anh Huỳnh Văn T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân chị T được ly hôn với anh T1. Sau khi ly hôn cháu L sẽ do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và cháu N sẽ do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về mối quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Huỳnh Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà B ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh T1 đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

2. Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 04/5/2007. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh T1 được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm nên mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T. Tòa án tiến hành hòa giải đề chị T và anh T1 hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ. Tuy nhiên, chị T vẫn cương quyết ly hôn và anh

T1 cũng không mong muốn hàn gắn đoàn tụ hoặc có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị T. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

2.2 Về con chung: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng con chung, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân thì hiện tại cháu Huỳnh Minh N có nguyện vọng sống chung với mẹ và cũng phù hợp với yêu cầu của chị T. Do đó, tiếp tục giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Cháu Huỳnh Phước L có nguyện vọng sống chung với anh T1 và cũng phù hợp với yêu cầu của chị T. Do đó, tiếp tục giao cháu L cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, anh T1 trình bày tự thỏa thuận, sau này nếu có tranh chấp về tài sản chung các bên được quyền khởi kiện ở 01 vụ án khác để được xem xét, giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị T và anh T1 trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T đối với anh Huỳnh Văn T1.

Cụ thể tuyên:

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn T1. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị T, anh T1 không có yêu cầu.

1.2 Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Huỳnh Phước L, sinh ngày 02/02/2009 và Huỳnh Minh N, sinh ngày 13/7/2014. Sau khi ly hôn, cháu L sẽ do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T1 không có yêu cầu, cháu N sẽ do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị T, anh T1 có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, anh T1 trình bày tự thỏa thuận, sau này nếu có tranh chấp về tài sản chung các bên được quyền khởi kiện ở 01 vụ án khác để được xem xét, giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Chị T và anh T1 trình bày không có nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu số 0005885 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí